

Bản án số: 20/2019/DS-ST

Ngày: 12/3/2019

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cơ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Công Hạnh và Bà Huỳnh Thị Minh
Tuyệt

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Lệ Siêng – Thư ký
TAND thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hưng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12/3/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa xét xử
sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2018/TLST- DS ngày 01 tháng 6 năm 2018
về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử
số: 10/2019/QĐXX-ST ngày 08/01/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Châu Đình L, sinh năm 1945 và bà Nguyễn Thị T, sinh
năm 1945; Cùng địa chỉ: Khu phố 4, phường P, TP. T, tỉnh P. Đều có mặt tại phiên
tòa.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Th, sinh năm 1969 và bà Huỳnh Thị Thu L, sinh năm
1976; Cùng địa chỉ: Khu phố 4, phường P, TP. T, tỉnh P. Đều vắng mặt tại phiên
tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 29/5/2018, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án
và quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Châu Đình L và
bà Nguyễn Thị T trình bày: Ngày 18/9/2015 ông, bà cho bà Trần Thị Th mượn
5.000.000 đồng, khi mượn bà Th hẹn sau 03 tháng trả lại và có bà Huỳnh Thị Thu
L xác nhận có trách nhiệm cùng bà Th trả số tiền mượn của ông Châu Đình L, từ
khi mượn cho đến nay bà Huỳnh Thị Thu L đã trả được 1.300.000 đồng theo thỏa
thuận miệng đây là tiền lãi nhưng trong giấy mượn không nói tiền lãi và quá trình
giải quyết vụ án không có mặt bà Th và bà L nên không làm rõ được số tiền
1.300.000 đồng là tiền lãi nên ông L, bà T thống nhất số tiền 1.300.000 đồng mà bà

L đã đưa là trả tiền gốc nên ông, bà yêu cầu bà Th và bà L phải trả cho ông, bà số tiền gốc còn lại 3.700.000 đồng và yêu cầu phải trả lãi theo quy định pháp luật từ ngày khởi kiện 29/5/2018 cho đến ngày xét xử.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà L và bà Th đều vắng mặt nên không có ý kiến trình bày và Tòa cũng không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản xác minh ngày 11/7/2018 chính quyền địa phương cung cấp: Bà Trần Thị Th, sinh năm 1969 và bà Huỳnh Thị Thu L, sinh năm 1976 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh P. Hiện nay bà Th và bà L đang có mặt tại địa phương.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý, thu thập chứng cứ từ khi thụ lý đến khi xét xử tuân thủ đúng theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng khi tiến hành xét xử tại phiên tòa. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên phải chịu hậu quả pháp lý.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị Th và bà Huỳnh Thị Thu L phải trả 3.700.000 đồng tiền gốc và lãi từ ngày 29/5/2018 đến ngày 12/3/2019 theo mức lãi suất 9%/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Pháp luật về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ theo giấy mượn tiền ngày 18/9/2015 và các bị đơn cư trú tại khu phố 4, phường P, thành phố T nên căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Pháp luật về nội dung: Giao dịch giữa ông L, bà T với bà Th, bà L được xác lập ngày 18/9/2015. Do đó, căn cứ Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Tại giấy mượn tiền ngày 18/9/2015, bà Trần Thị Th mượn của ông Châu Đình L và bà Nguyễn Thị T 5.000.000 đồng, hẹn sau 03 tháng sẽ trả lại, bà Huỳnh Thị Thu L xác nhận có trách nhiệm cùng trả số tiền mượn cho ông L nhưng từ đó đến nay bà L chỉ trả được 1.300.000 đồng. Do đó, ông L, bà T yêu cầu bà Th và bà L phải trả số tiền còn lại 3.700.000 đồng tiền mượn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Tại giấy mượn tiền ngày 18/9/2015, các bên không thỏa thuận lãi suất, hẹn sau 03 tháng trả lại. Tại phiên Tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày khởi kiện là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp

nhận lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm xét xử từ ngày 29/5/2018 đến ngày 12/3/2019 là 09 tháng 13 ngày x 9%/năm = 261.775đồng.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 471, 474, 476 và khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại đơn khởi kiện ngày 29/5/2018, buộc bà Trần Thị Th và bà Huỳnh Thị Thu L phải trả cho ông Châu Đình L và bà Nguyễn Thị T số tiền: 3.961.775đ (ba triệu chín trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm bảy mươi đồng (trong đó tiền gốc 3.700.000đồng, lãi 261.775 đồng) về khoản vay tài sản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì phải chịu thêm khoản lãi suất theo Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành xong.

Về án phí:

+ Bà Trần Thị Th và bà Huỳnh Thị Thu L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả cho nguyên đơn ông Châu Đình L và bà Nguyễn Thị T 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2015/0010090 ngày 01/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cơ

